

Luyện tập - Danh từ

Câu 1: Give the correct forms of the words in brackets.

Harry drinks a lot. He is such a big (DRINK)

- A. drinker B. drinkable C. drinking D. drinkability

Câu 2: Come on, let's watch them arrive in their smartest suits and shades for Louis Tomlinson's mum's (WED)

- A. wedded B. wedding C. weddings D. wed

Câu 3: One Direction(DANCE) made miracle (RECOVER).....from horrific accident with help from loyal dogs.

- A. dancing- discovery B. dance- discovery C. dancer- recovery D. dancers-discovery

Câu 4: They have just confirmed follow-up movie after This Is Us missed out on Oscar (NOMINATE).....

- A. nomination B. nominating C. nominative D. nominee

Câu 5: I know you're proud of your achievements, but let's at least keep some (HUMBLE).....

- A. humiliation B. humility C. humbility D. humblation

Câu 6: (HATE)..... are gonna hate, potatoes're gonna potato, I already ate.

- A. haters B. hating C. hatred D. hateful

Câu 7: I honestly don't know what to do right now. Could you give me some (SERENE) please?

- A. serenade B. serenity C. serendipity D. serendipity

Câu 8: Don't look at me like that. I know I'm a (WEIRD).....

- A. weirdness B. weird C. weirdliness D. weirdo

Câu 9: What is your biggest (WEAK).....?

- A. weakenning B. weaken C. weakness D. weakfish

Câu 10: And what are some of your (STRONG).....?

- A. strengthen B. strengths C. strongly D. strongly

Câu 11: I so hate researching. What's the point of being a (RESEARCH)..... anyways?

- A. research B. searcher C. researcher D. researching

Câu 12: I'd love to be a (LOSE)..... What's the point of being a (WIN)..... anyways?

- A. losers-winners B. loser-winner C. lost- win D. loss-winner

Câu 13: This exercise is a bit ridiculous. Whatever, I don't care, I'm not in the right state of mind right now. I'm not trying to hide my (ADDICT)..... to that boy band, you know.

- A. addictive B. addicted C. addiction D. addicting

Câu 14: I'm not buying that whole environmental friendly thing. Seriously, I wonder what (ENVIRONMENT)..... do in their jobs every day.

- A. environmentalism B. environmentalists C. environmental D. environment

Câu 15: In the series Once Up On A Time, Emma is called their (SAVE)..... Such a typical fairy tale it is.

- A. saver B. saviour C. saved D. saving

Câu 16: (POLLUTE)..... are the factors that cause pollution.

- A. pollution B. polluters C. pollutants D. polluting

Câu 17: People use (PRESERVE)..... to keep foods.

- A. preserver B. preservation C. preservative D. preservatives

Câu 18: Yeah, I'm going to finish this exercise. I'm sorry I'm such a lazy ass, but I can't get rid of my (LAZY).....,you see.

- A. laze B. laziness C. lazily D. lazyment

Câu 19: One more question. What should I put down for you guys? Alright, this is very tricky: I'm very impressed by their (HOSPITABLE).....

- A. hospital B. hospitality C. hospitablement D. hospitability

Câu 20: The last question already! I'm gonna make this question super hard. Nah, just kidding, get to it. She's the best (EPITOMIZE).....of kindness.

- A. epitome B. epitomist C. epitomizing D. epitomized

Đáp án

1-A	2-B	3-D	4-A	5-B	6-C	7-B	8-	9-C	10-B
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	----	-----	------

11-C	12-B	13-C	14-B	15-B	16-C	17-D	18-B	19-B	20-A
------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Đáp án A

Giải thích:

Đáp án B(a) có thể uống được

Đáp án D(n) khả năng uống rượu

Đáp án A(n) drinker: người nghiện rượu

=> Đáp án đúng là A Harry uống rất nhiều rượu, ông ta là một người nghiện rượu

Câu 2: Đáp án B

Giải thích: Đáp án đúng duy nhất trong câu này là B. đám cưới

Tất cả các đáp án khác đều sai: A. không phải là một danh từ.

Đáp án D là một động từ. Đáp án D. ta không dùng weddings số nhiều ở đây

Câu 3: Đáp án D

DANCER-RECOVERY

Giải thích: Đáp án đúng là D. những vũ công – phát hiện

Dịch: nhóm nhảy One Direction đã có phát hiện tuyệt vời từ vụ tai nạn khủng khiếp với sự giúp đỡ của những chú chó trung thành.

Câu 4: Đáp án A

Giải thích: Vị trí này trong câu cần một danh từ => loại đáp án B và C vì cả 2 đều là tính từ (được bổ nhiệm, được chỉ định)

Đáp án D. nominee (n) người được bổ nhiệm

Đáp án A. nomination(n) sự bổ nhiệm Đáp án đúng là A. nomination

Dịch: họ đã khẳng định theo dõi bộ phim sau khi This is Us bỏ lỡ đề cử giải Oscar.

Câu 5: Đáp án B

D.humblation

Giải thích: Đáp án A. sự làm nhục, làm cho bề mặt

Đáp án C, D là từ không có nghĩa

Đáp án B.(n) sự khiêm tốn là đáp án đúng

Dịch: tôi biết bạn tự hào về những kết quả mà bạn đạt được, nhưng ít nhất bạn hãy giữ lấy một chút khiêm tốn.

Câu 6: Đáp án C

HATERS Đây là một idiom: Haters are gonna hate, potatoes are gonna potato nghĩa là: dù ghét đến mấy cũng không thể ngăn cản được người khác làm điều mà người ta muốn làm

Câu 7: Đáp án B

SERENITY

Đáp án A.serenade(n) dạ khúc

Đáp án C.serendipity(n) khả năng cầu may

Đáp án D từ này không có nghĩa

Đáp án B. sự trầm lặng, sự yên bình

Giải thích: => Đáp án B là chính xác nhất

Dịch nghĩa: Tôi thật sự không biết phải làm gì bây giờ nữa. Làm ơn cho tôi xin chút bình yên.

Câu 8: Đáp án D

Câu 9: Đáp án C

WEAKNESS

Giải thích: Vị trí này cần một danh từ.

Danh từ đúng ở đây là C. weakness (điểm yếu) Đây là điểm yếu lớn nhất của bạn ?

Câu 10: Đáp án B

Giải thích: Đáp án đúng là B(n) thể mạnh

Dịch: một trong những thể mạnh của bạn là gì. Stronghold: pháo đài, thành lũy

Câu 11: Đáp án C

RESEARCHER

Giải thích: chỗ trống này cần dùng một danh từ chỉ người (nhà nghiên cứu) => đáp án đúng là C. researcher

Câu 12: Đáp án B

LOSER-WINNER

Giải thích: chỗ trống cần danh từ chỉ người => loại đáp án C, D

Cả 2 chỗ trống đều có a phía trước => từ cần điền là danh từ đếm được số ít => đáp án đúng là B. kẻ thất bại -người chiến thắng

Câu 13: Đáp án C**ADDICTION**

Giải thích: Sau tính từ sở hữu "my" cần dùng một danh từ. => Đáp án đúng duy nhất là C. thói nghiện các từ còn lại đều là tính từ

Câu 14: Đáp án B**ENVIRONMENTALISTS**

Giải thích: Sau what cần một danh từ => loại được đáp án C(a) thuộc về môi trường

Đáp án A. thuyết môi trường

Đáp án D. môi trường

Đáp án B. nhà nghiên cứu về môi trường => Đáp án đúng là B

Dịch nghĩa: tôi sẽ không mua những thứ không có lợi với môi trường. Thật sự, tôi băn khoăn không biết các nhà nghiên cứu môi trường họ làm gì mỗi ngày.

Câu 15: Đáp án B**SAVIOR**

Giải thích Đáp án đúng là B.savior (vị cứu tinh)

Dịch: trong suốt các tập phim Once Up On A Time, Emma được coi như vị cứu tinh của họ. Nó giống như trong chuyện cổ tích vậy.

Câu 16: Đáp án C**POLLUTANTS**

Giải thích: Trong câu có tobe "are" nên danh từ trước nó phải là danh từ đếm được => Loại đáp án A, D

Đáp án A.(n) sự ô nhiễm Đáp án C(n) chất gây ô nhiễm => Đáp án đúng là C. Các chất thải là nguyên nhân gây ra sự ô nhiễm

Câu 17: Đáp án D**PRESERVATIVES**

Giải thích: Chỗ trống cần 1 danh từ => loại đáp án C

Đáp án A(n): người bảo quản

Đáp án B(n) sự bảo quản

Đáp án D(n) chất bảo quản => Đáp án đúng là D Con người dùng chất bảo quản để bảo quản thức ăn

Câu 18: Đáp án B

LAZINESS

Giải thích: sau “my” cần một danh từ => loại đáp án A(động từ: lười biếng) và đáp án C(trạng từ), đáp án D không có nghĩa

Đáp án đúng là B.(n) sự lười biếng

Câu 19: Đáp án B

HOSPITALITY

Giải thích: Sau their cần một danh từ

Đáp án A.(bệnh viện)

Đáp án B(tính hiếu khách)

Đáp án C và D không có nghĩa

Đáp án đúng là B

Câu 20: Đáp án A

EPITOME Giải thích: Đáp án đúng là A: bản tóm tắt

Các trường hợp còn lại không được dùng ở vị trí này

Luyện tập - Danh từ

Câu 1: Give the correct noun form of the words in brackets

The of those mountainous villages is the greatest achievement of this government.(ELECTRIC)

- A. electrician B. electricity C. electricality D. electrics

Câu 2: With the of the soup it was a wonderful meal.(EXCEPT).

- A. exceptionality B. excepted C. exception D. excepting

Câu 3: Her in helping the poor earned her admiration in the neighbourhood. (SELF)

- A. selfishness B. unselfishness C. selffulness D. unselfish

Câu 4: Don't be too hasty to passon other people.(JUDGE)

- A. judgeship B. judgematic C. judgement D. judgemental

Câu 5: The of his work lies in the materials he uses.(ORIGIN)

- A. originality B. original C. origin D. orginate

Câu 6: Can I find a pencilsomewhere in this library? (SHARP)

- A. sharpen B. sharpness C. sharpish D. sharpener

Câu 7: Scandinavian legend says that when the son of the goddess Frigga was killed her tears of became the white berries.(SORRY)

- A. sorriness B. sorrow C. sorrower D. sorrowfulness

Câu 8: After two months of laser treatment I noticed a tiny and felt a stab of determination. (IMPROVE)

- A. improvement B. improving C. improvable D. improver

Câu 9: I don't want my kids to spend their young years under constant to be the best. (PRESS)

- A. pressment B. pressed C. pressing D. pressure

Câu 10: My grandma died a natural (DIE)

- A. dying B. dead C. death D. diement

Câu 11: Dreams are like stars, you may never touch them, but if you follow them, they will lead you to your (DESTINE)

- A. destined B. destinity C. destiny D. destination

Câu 12: A sense of makes a girl beatiful. (HUMOUROUS)

- A. humour B. humorously C. humourousity D. humourless

Câu 13: The person who gives you unexplained happiness is the one who gives you unexplained..... (SAD)

- A. saddle B. sadden C. sadness D. sadment

Câu 14: Harry Styles is the man, got bags of charm, can win people over easily. (LADY)

- A. ladiness B. ladies C. lady D. ladiful

Câu 15: I'm looking for a girl who's cheeky and makes me chase her, the fun is all in the..... (CHASE)

- A. chase B. chasing C. chasement D. chaser

Câu 16: Though Monsters has a great storyline youngermay be confused as some facts are never explained.(VIEW)

- A. viewpoint B. viewers C. viewership D. viewdata

Câu 17: One Direction has taken my life so I can no longer think about real life.....
(RELATE)

- A. relating B. related C. relation D. relationships

Câu 18: It's not called an unhealthy obsession, it's called (DEDICATE)

- A. dedicated B. dedication C. dedicative D. dedicatee

Câu 19: Directioners are the cutest in the world. (IDIOTIC)

- A. idiots B. idiotically C. idiotic D. idiocity

Câu 20: When people ask me why I like One Direction, too many..... just race through my mind, so I just wind up sitting there like: "I don't know." (THINK)

- A. thinking B. thoughts C. thinkers D. thinkable

Đáp án

1-B	2-C	3-B	4-C	5-A	6-D	7-B	8-A	9-D	10-C
11-D	12-A	13-C	14-B	15-B	16-B	17-D	18-B	19-A	20-B

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Đáp án B

Electricity

Đáp án A. (n) thợ sửa điện=> không phù hợp nghĩa

Đáp án D (n) hệ thống điện của ô tô, của động cơ

Đáp án C không phải dạng danh từ của electric

Đáp án B (n) điện năng, dòng điện là đáp án đúng

Dịch nghĩa: Nguồn điện về những vùng núi là thành tựu tuyệt vời nhất của chính phủ

Câu 2: Đáp án C

Exception

Đáp án A (n) tính khác thường, thính đặc biệt, tính hiếm có .

Đáp án B (a), D (a)

Đáp án D (n) sự ngoại trừ, ngoại lệ *with the exception of N*

Dịch nghĩa: ngoại trừ súp ra thì nó là một bữa ăn tuyệt vời.

Câu 3: Đáp án B

Sau tính từ sở hữu "their" được theo sau bởi một danh từ

Đáp án D (adj) không ích kỉ => sai

Đáp án C sai vì không có từ này

Đáp án A.(n) sự ích kỉ => không hợp nghĩa Đáp án B (n) tính không ích kỉ

Dịch nghĩa: Cô ấy đã không ích kỉ trong việc giúp đỡ những người nghèo đã chiếm được sự ngưỡng mộ của những người hàng xóm

Câu 4: Đáp án C

Judgement

Đáp án A.(n): quan toà

Đáp án B và D là tính từ: biết suy xét, biết lẽ phải

Đáp án C sự phê bình, sự đánh giá, sự phán quyết.

Ta có cấu trúc: to pass judgement on somebody: xét xử ai, phán xét ai

Dịch nghĩa: đừng vội vàng phán xét người khác

Câu 5: Đáp án A

Originality

Sau mạo từ "the" cần một danh từ => loại được đáp án B (adj) và đáp án D (verb)

Đáp án C (n) nguồn gốc

Đáp án A (n) sáng tạo, tính sáng tạo, tính độc đáo là đáp án đúng

Dịch nghĩa: Sự độc đáo trong tác phẩm của ông ấy nằm ở chất liệu mà ông ta sử dụng.

Câu 6: Đáp án D

Sharpener

Đáp án đúng D.

Ta có collocation: pencil sharpener: gọt bút chì

=> Các đáp án khác không đúng

=> Dịch nghĩa: tôi có thể tìm thấy gọt bút chì ở đâu trong thư viện ?

Câu 7: Đáp án B

Sorrow

Đáp án A(n) tính chất buồn phiền

Đáp án C(n) người hay sầu não

Đáp án D(n) tính chất buồn phiền, tính chất đau đớn

Đáp án B(n) nỗi buồn là đáp án đúng

Dịch nghĩa: huyền thoại Scandinavian nói rằng khi con trai của nữ thần Frigga bị giết chết, những giọt nước mắt đau khổ của bà ấy đã biến thành những quả mọng trắng

Câu 8: Đáp án A

Improvement

Đáp án B và C là hai tính từ nên không thể đứng ở vị trí này

Đáp án D(n) người cải tiến

Đáp án A(n) sự cải tiến, sự cải thiện, sự tiến bộ

Đáp án đúng là A: Sau 2 tháng điều trị bằng laser, tôi chỉ nhận thấy có sự cải thiện nhỏ và cảm thấy mọi sự cố gắng như vô vị.

Câu 9: Đáp án D

Pressure

Ta có collocation: under pressure: chịu áp lực

Các đáp án còn lại sai

Dịch nghĩa: Tôi không muốn những đứa con của tôi chịu áp lực liên tục phải trở thành người tốt nhất trong những năm tuổi trẻ của mình.

Câu 10: Đáp án C

Death

Ta có collocation: natural death: cái chết tự nhiên.

Câu 11: Đáp án D

Đáp án A sai vì là một động từ thêm ed

Đáp án B sai vì không có từ này trong từ điển

Đáp án C(n) số mệnh

Đáp án D(n) điểm đến

Dịch nghĩa: Những ước mơ giống như những ngôi sao, bạn có thể không bao giờ chạm đến chúng nhưng nếu bạn hướng về chúng, chúng sẽ dẫn bạn đến đích.

Câu 12: Đáp án A

Humour

Giải thích: ta có collocation: sense of humour: tính hài hước

Các đáp án còn lại sai

Dịch nghĩa: Khiếu hài hước khiến cho một cô gái trở lên xinh đẹp hơn

Câu 13: Đáp án C

Sadness

Đáp án đúng là C sadness. Đây là một thành ngữ

Người mang đến cho bạn hạnh phúc không rõ nguyên nhân cũng là người gây ra nỗi buồn không giải thích được cho bạn

Sadden(v) làm ai buồn rầu

Câu 14: Đáp án B

Ladies (Ladies man là cụm từ cố định (người đàn ông đào hoa) không phải lady man or lady's man or ladies' man, it's just "ladies man".)

Câu 15: Đáp án B

Chase

Đáp án đúng là A(n) cuộc săn đuổi

Đáp án B sai vì từ này không có nghĩa

Đáp án D(n): người săn đuổi,

Đáp án B là động từ thêm V-ing

Dịch nghĩa: tôi đang kiếm tìm một cô gái nổi loạn và khiến tôi phải theo đuổi cô ta, tất cả điều thú vị nằm ở các cuộc săn đuổi.

Câu 16: Đáp án B

Viewers

Younger: trẻ hơn dùng để chỉ người => đáp án là B

Dịch nghĩa: mặc dù Monsters dựa trên những tiểu thuyết lớn nhưng những khán giả trẻ tuổi có thể vẫn bối rối khi có một vài chi tiết chưa bao giờ được giải thích

Câu 17: Đáp án D

Relationships

Giải thích:

Chỗ trống cần điền một danh từ => loại đáp án A, B vì đây không phải 2 danh từ

Đáp án C relation(n) mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau

Đáp án D relationship (n) mối quan hệ gần gũi, huyết thống

Dịch nghĩa: One Direction đã chiếm hết cuộc sống của tôi vì vậy tôi không còn nghĩ nhiều về những mối quan hệ ở cuộc sống hiện tại.

Câu 18: Đáp án B

Dedication

Giải thích: Chỗ trống cần điền một danh từ => loại được đáp án A(adj) và đáp án C (không có nghĩa)

Đáp án D người nhận sự hiến dâng

Đáp án B(n) sự cống hiến là đáp án đúng.

Câu 19: Đáp án A

Idiots

Giải thích: sau tính từ so sánh nhất "cutest" cần một danh từ => loại đáp án B (trạng từ) và C (tính từ)

Đáp án D từ idiocity không có nghĩa

Đáp án A(n) thằng ngu

Dịch nghĩa: Directioners là những thằng ngu ngốc nhất thế giới

Câu 20: Đáp án B

Thoughts

Giải thích: Sau “many” là danh từ đếm được số nhiều

Đáp án A và D sai

Đáp án C (n) nhà tư tưởng=> không phù hợp nghĩa

đáp án đúng là B. thoughts(ý nghĩ, tư tưởng)

Dịch nghĩa: Khi mọi người hỏi tôi tại sao tôi thích

One Direction

Luyện tập - Danh từ

Câu 1: Just because you have..... doesn't mean you're not beautiful. (FLAWLESS)

- A. Flawlessment B. Flawlessness C. Flawlession D. Flaws

Câu 2:makes your heart grow fonder. (ABSENT)

- A. Absence B. Absentness C. Absentee D. Absentment

Câu 3: Life is full of surprising..... (EVENTFUL)

- A. events B. eventfulness C. event D. eventfulment

Câu 4: The post-war decline in beer was practically halted last year. (CONSUME)

- A. consumption B. consumming C. consumment D. consummingness

Câu 5: Better is a dinner of herbs where love is, than a stalled ox andtherewith.(HATE)

- A. hating B. hatred C. hateful D. hater

Câu 6: In the first quarter of the 18th century people began to realise the of hygiene to public health.(IMPORTANT)

- A. importantment B. importantness C. importion D. importance

Câu 7: Can't you just see that One Direction are steamingly.....? I just can't take it anymore. (HEAT)

- A. hot B. heatedly C. heated D. heater

Câu 8: Jamie'sof the night's events is hazy but the tabloids will refresh his memory. (RECOLLECT)

- A. Recollection B. Collection C. Recollecting D. Recollectment

Câu 9: We are great in fate and we believe we're meant to be together.(BELIEVE)

- A. belief B. believers C. believably D. believing

Câu 10: I think your stylist has taken her from the rubbish dump.(INSPIRE)

- A. inspiring B. inspirer C. inspiration D. inspiratory

Câu 11: The statesmen and scholars have made important on ways Washington could help Russia control parts of the arsenal. (SUGGEST)

- A. suggestibility B. suggestion C. suggester D. suggestive

Câu 12: After denying the of any recordings of the UFO abductions, Mr President went on to talk about the newest tax policy.(EXIST)

- A. existance B. xistmen C. existence D. existent

Câu 13: Your to me really bothers me. I told you a hundred times that I'm not the guy you need.(ATTACH)

- A. attachment B. attachable C. attaching D. attachness

Câu 14: For much of the last decade, Italy's leaning tower of Pisa was a huge site.(CONSTRUCT)

- A. construction B. constructive C. constructional D. constructor

Câu 15: hen planning began in 1989, Prof. Piero Pierotti called the rescue effort "irresponsible that would put the tower at risk.(MAD)

- A. madden B. madsion C. madness D. madding

Câu 16: If you need anything I am at your, madam. (SERVE)

- A. serving B. service C. serviceman D. serviceable

Câu 17: White is the colour of, so never wear it if you are upset about a bloke- it will only make you feel worse.(LONE)

- A. alone B. lonely C. loneliness D. loner

Câu 18: Food like bananas and oysters are presumed to be aphrodisiac mainly due to their to certain body parts. (RESEMBLE)

- A. resembleness B. resembling C. resemb D. resemblance

Câu 19: Enjoy nicotine, alcohol and caffeine only in (MODERATE)

- A. moderating B. moderation C. moderatement D. moderated

Câu 20: His were not as serious as the previous time. Just broken ribs, dislocated shoulders and sprained ankles.(INJURE)

- A. injury B. injured C. injuremen D. injurious

Đáp án

1-D	2-A	3-A	4-A	5-B	6-D	7-A	8-A	9-B	10-C
11-B	12-C	13-A	14-A	15-C	16-B	17-C	18-D	19-B	20-A

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Đáp án D

Flaws (chú ý cần đề số nhiều)

Flaw (n): sự thiếu sót, vết nhơ, thói xấu .

Flawless (a): hoàn hảo, hoàn mỹ

Flawlessness (n): sự hoàn hảo, hoàn mỹ

Flawlessnessment, flawlessnession: đây không phải dạng danh từ của flawless

bạn còn nhiều thiếu sót không có nghĩa là bạn không đẹp

Câu 2: Đáp án A

Absence makes your heart grow fonder là một idiom (thành ngữ): Càng xa càng nhớ

=> Các đáp án khác không phù hợp

Câu 3: Đáp án A

Events (chú ý cần đề số nhiều)

Life is full of surprising events: Cuộc sống là một chuỗi những sự kiện bất ngờ.

"Eventfulness, eventfulness" không phải là dạng danh từ của "eventful"

Event: thiếu "s" vì sau full of + N số nhiều

Câu 4: Đáp án A

đáp án A: sự tiêu thụ

dịch nghĩa: việc giảm thiểu sự tiêu thụ bia sau chiến tranh đã chấm dứt vào năm ngoái

Các đáp án còn lại không đúng

Câu 5: Đáp án B

Better is a dinner of herbs where love is, than a stalled ox and hatred therewith là một idiom gần nghĩa với idiom ‘‘a simple gift made with love is better than an big gift without love’’ một món quà dù đơn giản nhưng được làm bằng tình yêu thương và sự chân thành sẽ hơn một món quà lớn nhưng không có một chút nào tình yêu thương trong đó.

Câu thành ngữ đề bài: một món rau được nấu bằng sự chân thành, hơn là một đĩa thịt bò chứa đầy sự ganh ghét đố kỵ Các đáp án còn lại không hợp

Câu 6: Đáp án D

Importance

Giải thích: importance (sự quan trọng) là dạng danh từ của *important*

Tất cả các từ ở đáp án A, B, C không phải dạng danh từ của *important*

Dịch: Vào đầu thập niên thứ 18, mọi người bắt đầu nhận ra tầm quan trọng của vệ sinh đối với sức khỏe

Câu 7: Đáp án A

Giải thích: steamingly là một trạng từ. Sau trạng từ là một tính từ .

Đáp án B là trạng từ => sai

Đáp án C: giận dữ, nóng nảy

Đáp án D: bếp lò

Câu 8: Đáp án A

Recollection

Giải thích:

Đáp án B: bộ sưu tập: không phù hợp nghĩa

Đáp án C: không phải dạng danh từ của "recollect"

Đáp án D: không phải dạng danh từ cần tìm

Đáp án đúng là A: recollection (sự hồi tưởng, kí ức, những kỉ niệm)

Kí ức của Jamie về bữa tiệc đêm ấy hơi mơ hồ nhưng bản tin trên báo sẽ gợi lại kí ức cho anh ấy

Câu 9: Đáp án B

“great” là một tính từ và sau tính từ sẽ là một danh từ

Loại đáp án C. believably(trạng từ không đứng sau tính từ), và D. believing

Đáp án A: belief(niềm tin) không phù hợp nghĩa trong câu này Đáp án B: believers (tín đồ) - đáp án đúng

Câu 10: Đáp án C

Inspiration

Giải thích:

- Inspiring (a) gây cảm hứng
- inspirer (n) người truyền cảm hứng
- inspiratory (n) sự hít vào x, sự thở vào
- inspiration(n) nguồn cảm hứng

=> đáp án đúng là C. inspiration Dịch nghĩa: tôi nghĩ nhà thiết kế lấy cảm hứng sáng tác của bà ấy từ đồng những đồ vật bị bỏ đi

Câu 11: Đáp án B

Suggestions

Giải thích:

Đáp án A. suggestibility (n) tính dễ chấp nhận đề nghị

C. suggester (n) người đề nghị, người đề xuất

D. có tính gợi ý, gợi nhớ

B. make a suggestion: đưa ra gợi ý

=> Đáp án là B: các chính khách và các học giả đã đưa ra gợi ý về những cách mà Oa-sinh-ton có thể giúp Nga kiểm soát được phần nào kho vũ khí của mình

Câu 12: Đáp án C

Existence

Giải thích: Sau "the" ta cần sử dụng một danh từ => ta loại được đáp án D (tính từ - có nghĩa là đang tồn tại)

Đáp án A:viết sai chính tả

Đáp án B: không phải dạng danh từ của "exist"

Đáp án D đúng: nghĩa là sự tồn tại

Dịch nghĩa: Sau khi phủ nhận sự tồn tại của bất kì một bản ghi âm nào về vụ bắt cóc UFO, ngài Tổng thống đã chuyển sang nói về chính sách thuế mới nhất hiện nay.

Câu 13: Đáp án

Giải thích: attach (v) gắn với, dán, trói buộc, đính kèm

Sau tính từ sở hữu: "your" cần một danh từ

Loại được đáp án B và C "attachable" (a) có thể tiếp cận được

Đáp án D: không có dạng danh từ này đối với từ "attach"

Đáp án A đúng vì: attachment là dạng danh từ của "attach"

Dịch nghĩa: Việc bạn cứ dính chặt lấy tôi thực sự làm phiền tôi. Tôi đã nói với bạn hàng trăm lần rằng tôi không phải người con trai mà bạn muốn rồi

Câu 14: Đáp án A

Construction (ở đây sử dụng danh từ ghép construction site: công trình xây dựng)

Giải thích:

Đáp án B. constructive (a) có tính xây dựng

Đáp án C. constructional (n): thuộc lĩnh vực xây dựng, cấu trúc, cơ cấu

Đáp án D. constructor (n): người xây dựng

Đáp án A đúng vì construction site là một collocation nghĩa là công trình kiến trúc

Dịch nghĩa: Trong suốt những thập kỉ qua, tháp nghiêng Pisa của Ý là một công trình kiến trúc vĩ đại

Câu 15: Đáp án

Madness

Giải thích:

Irresponsible (a): vô trách nhiệm => sau đó phải đi kèm theo một danh từ

Dạng danh từ của tính từ "mad" là "madness" (n) cơn điên cuồng, cơn thịnh nộ

Các đáp án còn lại không phải dạng danh từ của "mad"

Câu 16: Đáp án B

Service

Giải thích:

Sau tính từ sở hữu "your" cần theo sau là một danh từ

Đáp án A. serving(n) một phần nhỏ thức ăn, thức uống

Đáp án C. serviceman(n) người phục vụ

Đáp án D. serviceable(a) tiện lợi, sẵn có

Đáp án B. service (n) sự phục vụ

Dịch nghĩa: Nếu bà cần bất cứ thứ gì, tôi luôn sẵn sàng phục vụ, thưa bà

Câu 17: Đáp án C

Loneliness

Giải thích:

Sau giới từ "of" là theo sau bởi một danh từ

Ta loại được đáp án A và B vì cả 2 đều là tính từ có nghĩa là cô đơn

Đáp án D. loner (n) người cô đơn, người thui thủi một mình

Đáp án C. loneliness (n) sự cô đơn là đáp án đúng

Dịch nghĩa: Màu trắng là màu của sự cô đơn hiu quạnh, vì vậy đừng bao giờ mặc nó nếu bạn đang buồn vì nó càng làm cho bạn cảm thấy tồi tệ hơn thôi

Câu 18: Đáp án D

Resemblance

Giải thích: sau tính từ sở hữu "their" là theo sau bởi một danh từ

Đáp án A không phải dạng danh từ của resemble

Đáp án B, C không có 2 từ này

Đáp án D: sự giống nhau.

Cấu trúc: resemblance to sth/sb: giống với ai, giống với cái gì

Dịch nghĩa: Đồ ăn như là chuối và con hầu được cho là có tính kích thích tình dục do giống với bộ phận của cơ thể

Câu 19: Đáp án B

Moderation (in moderation: in small quantities)

Câu 20: Đáp án

Injuries

Đáp án B(adj): bị thương

Đáp án D(adj): gây tổn thương, có hại

Đáp án C không phải dạng danh từ của injure

Đáp án A(n) sự tổn thương

Dịch nghĩa: lần bị thương này của anh ấy không nghiêm trọng như thời gian trước. Chỉ rạn xương sườn, chệch khớp vai, và sưng mắt cá chân

Luyện tập – Danh từ

Câu 1: Use the word in bold to form the noun which refers to the person who does that job.

A person who acts for a living is called an

- A. action B. actor C. actress D. acting

Câu 2: A is someone who earns money from writing music.

- A. musical B. musican C. musician D. musicist

Câu 3: She didn't become famous as a until her 17th novel was published.

- A. novelists B. novelist C. novelist D. novelist

Câu 4: In Part 5 of the FCE Exam your speaking ability will be assessed by the

- A. examination B. examiner C. examinees D. examiners

Câu 5: At the end of the interview the asked if he could be shown around the company.

- A. interviewer B. Interviewee C. Interviewing D. Interviewor

Câu 6: The waiter asked the if she would help him deal with a difficult customer.

- A. waiting B. waitress C. waiter D. waiter

Câu 7: An is someone who will be able to go through your accounts and work out how much money you have.

- A. accountant B. accountant C. accountancy D. accountant

Câu 8: to the castle are expected to come during visiting times only.

- A. visitors B. Visiting C. visitists D. Visits

Câu 9: A..... is someone who suffers from psychosis.

- A. psychologist B. psychotic C. psychosistist D. psychosomatic

Câu 10: The company starts to employ a lot of.....

- A. employers B. employing C. employees D. employists

Đáp án

1-B	2-C	3-B	4-D	5-A	6-B	7-D	8-A	9-B	10-C
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Đáp án B

ACTOR/ACTRESS Giải thích:

Đáp án đúng là B: diễn viên

Đáp án A: hành vi, hành động

Đáp án C. diễn viên nữ, đào hát. (ở đây không chỉ riêng diễn viên nữ)

Đáp án D. sự đóng vai, sự diễn xuất.

Câu 2: Đáp án C

MUSICIAN Giải thích:

Đáp án đúng là C. musician: nhạc sĩ

Đáp án A sai vì ‘musical’ là một tính từ nghĩa là: thuộc về âm nhạc

Đáp án B, D sai vì musician và musicist không phải là danh từ chỉ người của music đa

Câu 3: Đáp án B

NOVELIST Giải thích:

Đáp án đúng là B. novelist (tiểu thuyết gia)

Các đáp án còn lại sai vì viết không đúng dạng của danh từ cần điền

Câu 4: Đáp án D

EXAMINERS

Đáp án đúng là D. examiners (giám thị)

Đáp án A. examination (kì thi)

Đáp án B. sai chính tả

Đáp án C. examinees (thí sinh)

Dịch nghĩa: ở phần thứ 5 trong bài thi FCE, phần kĩ năng nói của bạn sẽ được đánh giá bởi các giáo viên chấm thi.

Câu 5: Đáp án A

Giải thích: Đáp án A. Interviewer (người phỏng vấn),

Đáp án đúng B. Interviewee (n)(người được phỏng vấn, ứng viên)

Đáp án C. Interviewing (động từ thêm đuôi "ing" của động từ interview)

Đáp án D. Interviewor (n) viết sai chính tả

Dịch nghĩa: Cuối buổi phỏng vấn, người ứng viên hỏi liệu rằng anh ta có được giới thiệu ở công ty không. INTERVIEWEE

Câu 6: Đáp án B

WAITRESS

Giải thích: Chỗ trống này cần một danh từ chỉ người. Trong số những đáp án trên chỉ có đáp án B chỉ người

Waitress(n) nữ bồi bàn

Waiter(n) nam bồi bàn

=> đáp án đúng là B. Waitress

Dịch nghĩa: nhân viên nam phục vụ bàn hỏi nhân viên nữ liệu rằng cô ấy có thể giúp anh ấy giải quyết với những khách hàng khó tính

Câu 7: Đáp án D

ACCOUNTANT

Giải thích: Chỗ trống ở đây cần dùng một danh từ chỉ người => ta loại được đáp án C (nghề kế toán)

Đáp án A và B không đúng dạng của danh từ chỉ người của account

Đáp án D. Accountant(n) kế toán

Dịch nghĩa: Kế toán là người có thể kết nối với tài khoản của bạn và xem xem bạn có bao nhiêu tiền trong tài khoản

Câu 8: Đáp án A

Giải thích:

Đáp án A. Du khách

Đáp án B. Sự tham quan

Đáp án C. Sai vì không có nghĩa

Đáp án D. Động từ không đứng đầu câu và làm chủ ngữ

=> Đáp án chính xác nhất ở đây là A

Dịch nghĩa:

Những du khách đến lâu đài được dự kiến chỉ đến trong khoảng thời gian được tham quan.

Câu 9: Đáp án B

PSYCHOTIC

Giải thích:

Đáp án A(n): nhà tâm lý học

Đáp án B (n): bệnh nhân tâm thần., (a) mắc chứng loạn thần kinh

Đáp án C. Từ này không có nghĩa

Đáp án D(a): bệnh căng thẳng thần kinh

Đáp án đúng là B.

Dịch nghĩa: bệnh nhân tâm thần là một người mắc chứng rối loạn tâm thần

Câu 10: Đáp án C

EMPLOYEES Giải thích:

Dịch nghĩa: công ti bắt đầu tuyển rất nhiều nhân viên .

=> Đáp án đúng là C(n): nhân viên, công nhân

Đáp án A(n): nhà tuyển dụng

Đáp án D. Không có danh từ này

Đáp án B là danh động từ (n) sự tuyển dụng

Luyện tập- Danh từ

Câu 1: I. Is the word in CAPITAL LETTERS a noun which is always plural, or the plural form of a countable noun? Choose plural if the noun is always plural, or on countable if the noun is countable.

1. She took her GLOVES off.

A. Plural

B. Countable

Câu 2: Remember to bring some warm CLOTHES

A. Plural

B. Countable

Câu 3: His TEETH were white and even.

A. Plural

B. Countable

Câu 4: She was wearing blue SHORTS and a green T-shirt.

A. Plural

B. Countable

Câu 5: If you can't see the ball, you need new GLASSES!

A. Plural

B. Countable

Câu 6: We import a lot of manufactured GOODS from China.

A. Plural

B. Countable

Câu 7: Some of the RESIDENTS have complained about the noise.

A. Plural

B. Countable

Câu 8: The CHILDREN loved listening to her stories.

A. Plural

B. Countable

Câu 9: The soldiers were facing impossible ODDS.

A. Plural

B. Countable

Câu 10: Take all your BELONGINGS with you when you leave the train.

A. Plural

B. Countable

Câu 11: II. Some of the sentences below are incorrect because they contain a plural form of an uncountable noun. Write C if it is correct or I if it is incorrect for each sentence.

1. I like reading science fiction stories.

A. C

B. I

Câu 12: 2. The room was full of antique furnitures.

A. C

B. I

Câu 13: 3. A tall woman with red hairs opened the door.

A. C

B. I

Câu 14: 4. I keep my jewelleries in a safe

A. C

B. I

Câu 15: 5. He sat down and took off his shoes.

A. C

B. I

Câu 16: 6. We need to buy some meat and some vegetables.

A. C

B. I

Câu 17: 7. You shouldn't drop litters.

A. C

B. I

Câu 18: 8. We have a big problem with pollutions in this country.

A. C

B. I

Câu 19: 9. My friend gets terrible headaches.

A. C

B. I

Câu 20: 10. He has made good progresses at school this term.

A. C

B. I

Đáp án

1-B	2-A	3-B	4-A	5-A	6-A	7-B	8-B	9-A	10-A
11-A	12-B	13-B	14-B	15-A	16-A	17-B	18-B	19-B	20-B